TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2019
(V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử bao gồm:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng - Ông Phan Ngọc Đức .

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 24/7/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 19/2019/TLST-DS ngày 14/5/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXX-ST ngày 03/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2019/QĐ - HPT ngày 17/7/2019

Giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 08/10/1972. (Vắng mặt)

Trú tại: xóm 8, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thái Sỹ O, sinh năm 1974.

Trú tại: xóm N, xã H, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Nơi công tác: Văn phòng luật sư, Nghệ Tĩnh; Địa chỉ: xóm N, xã H, Thành phố V, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- Bị đơn: +/Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977.
+/Chị Phan Thị V, sinh năm 1977

Đều trú tại: xóm N, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Do có mối quan hệ thân quen với nhau, chị Nguyễn Thị N đã cho vợ chồng anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị V vay nhiều đợt tiền không tính lãi suất, sau nhiều lần đến đòi nợ nhưng vợ chồng anh T, chị V không chịu thanh toán cho chị N. Đến ngày 16/8/2017 thì giữa bên cho vay, bên vay đã tính toán tổng hợp nợ, chị V viết giấy tổng hợp nợ giao cho chị N, anh T thống nhất vợ chồng đang nợ chị N

với số tiền 250.000.000 đồng đã viết giấy hẹn trả nợ với nội dung: "Hẹn 10 hàng tháng sẽ trả cho chị N số tiền 10.000.000 đồng tháng, tính từ ngày 10/8/2018 âm lịch trả dàn hàng thánh cho đến lúc hết nợ, với tổng số tiền 250.000.000 đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) nếu bên vay sai hẹn, bên cho vay có quyền lấy lại số tiền cho vay trước hạn theo thỏa thuận". Mặc dù viết giấy cam kết nhưng vợ chồng chị V, anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ đối với chị N như đã cam kết, cố tình dây dưa về việc thanh toán nợ mặc dù chị N đã hỏi nợ nhiều lần.Thấy khó khăn cho việc lấy nợ, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị V V thanh toán số nợ tiền Việt Nam 250.000.000đ(Hai trăm, năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi đối với bên vay.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị V không hợp tác,Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh T, chị V để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nội dung nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa thì việc chị Nguyễn Thị N cho vợ chồng anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị V vay tiền Việt Nam đúng như nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được qui định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thái Sỹ O và bị đơn anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị V có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng anh T, chị V không chấp hành, cố tình không vắng mặt.Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thái Sỹ O có mặt, bị đơn anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị V vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tống đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung: Quá trình nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà thấy rằng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị V thanh toán khoản vay bằng Việt Nam số tiền 250.000.000 đồng là có căn cứ. Căn cứ vào trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyền đơn, Giấy tổng hợ nợ, Giấy hẹn trả nợ, khất nợ, xác định việc

vay nợ của anh T, chị V đối với chị N được thực hiện trước ngày 16/8/2017, chị N đã đến đòi nợ anh T, chị V nhiều lần, nhưng anh T chưa có trả. Ngày 16/8/2017 chị N tiếp tục hỏi nợ, thì chị V viết giấy tổng hợp nợ giao cho chị N, anh Nguyễn Hữu T chồng chị Phan Thị V viết giấy hẹn trả nợ, khất nợ đối với khoản vay nội dung: "Hẹn 10 hàng tháng sẽ trả cho chị N số tiền 10.000.000 đồng tháng, tính từ ngày 10/8/2018 âm lịch trả dàn hàng thánh cho đến lúc hết nợ, với tổng số tiền 250.000.000đ(Hai trăm năm mươi triệu đồng) nếu bên vay sai hẹn, bên cho vay có quyền lấy lại số tiền cho vay trước hạn theo thỏa thuận". Chứng cứ chứng minh việc vay nợ của anh T chị V là Giấy tổng hợp nợ do chị V viết giao lại cho chị N, Giấy hẹn trả nợ, khất nợ của anh T chồng chị V viết lại giao lại cho chị N đã được nguyên đơn cung cấp, giao nộp có tại hồ sơ vụ án. Từ đó đủ căn cứ khẳng định vợ chồng anh T, chị V đang nợ chị Nguyễn Thị N số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng anh T, chị V thanh toán khoản nợ này là có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lãi suất của số tiền gốc 250.000.000đ(Hai trăm năm mươi triệu đồng) nguyên đơn không yêu cầu tính đối với bên vay, nên miễn xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463; 464;465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị V phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho chị Nguyễn Thị N số tiền gốc 250.000.000đ(Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Nguyễn Thị N làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị V không thi hành hết khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

-Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hữu T, chị Phan Thị V phải nộp 12.500.000đ (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 6.250.000đ(Sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho Nguyễn Thị N tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, theo biên lai nộp tiền số: 0003691 ngày 13/5/2019.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ

thẩm. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự."

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKS NDYT
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Chi cục THADS
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP+K/quả
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc